

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **159/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-9-2023.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Văn Nhâm.

Ông Phạm Quang Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai:
Không tham gia.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 521/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị [Phạm Thị P](#), sinh năm 1979.

Địa chỉ: [Khu phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Ngãi](#).

2. Bị đơn: Anh [Dương Đ](#), sinh năm 1975.

Địa chỉ: [Ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai](#).

(Chị [Phạm Thị P](#) và anh [Dương Đ](#) vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 14/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị [Phạm Thị P](#) trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện, chị và anh [Dương Đ](#) sống chung và đăng ký kết hôn năm 2009 tại [UBND phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam](#). Trước đó chưa ai có vợ có chồng. Sau khi sống chung được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ năm 2011 đến nay vợ chồng không còn sống chung, từ đó cũng không ai quan tâm tới ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh [Dương Đ](#).

Về con chung: Chị và anh [Dương Đ](#) có 01 con chung là cháu [Dương Gia L](#) sinh ngày 23/3/2010. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh [Đ](#) cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Do chị bận công việc và ở xa nên chị đề nghị Tòa án cho xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn anh [Dương Đ](#) trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị [Phạm Thị P](#) về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, diễn biến cuộc hôn nhân giữa anh và chị [Phạm Thị P](#). Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để sống chung nên anh đồng ý ly hôn với chị [Phạm Thị P](#).

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu [Dương Gia L](#), sinh ngày 23/3/2010. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị [Phạm Thị P](#) nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Do anh bận công việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị [Phạm Thị P](#) khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn anh [Dương Đ](#) có nơi cư trú tại [ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai](#). Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị [Phạm Thị P](#) và anh [Dương Đ](#) có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị [Phạm Thị P](#) và anh [Dương Đ](#) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị [Phạm Thị P](#) và anh [Dương Đ](#) tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn năm 2009 tại [UBND phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam](#) nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật. Chị [Phạm Thị P](#) trình bày cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh [Dương Đ](#) thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau từ năm 2010 cho đến nay, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau. Do đó có đủ căn cứ xác định, tình trạng hôn nhân của chị [Phạm Thị P](#) và anh [Dương Đ](#) mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị [Phạm Thị P](#) là phù hợp với quy định tại Điều 56 Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị [Phạm Thị P](#) và anh [Dương Đ](#) thống nhất có 01 con chung là cháu [Dương Gia L](#) sinh ngày 23/3/2010, hiện đang sống cùng chị [P](#). Anh [Đ](#) đồng ý giao con chung cho chị [P](#) nuôi dưỡng và nguyện vọng của con chung là muốn sống cùng chị [P](#). Do đó, giao con chung là cháu [Dương Gia L](#) sinh ngày 23/3/2010 cho chị [Phạm Thị P](#) tiếp tục nuôi dưỡng để cháu có thể phát

triển tốt về cả thể chất và tinh thần là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh [Dương Đ](#) đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho chị [Phạm Thị P](#) mỗi tháng 1.500.000 đồng nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị [Phạm Thị P](#) và anh [Dương Đ](#) trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị [Phạm Thị P](#) và anh [Dương Đ](#) trình bày anh chị không có nợ chung, do vậy không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị [Phạm Thị P](#) phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh [Dương Đ](#) phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị [Phạm Thị P](#).

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị [Phạm Thị P](#) được ly hôn với anh [Dương Đ](#).

2. Về con chung: Giao cháu [Dương Gia L](#) sinh ngày 23/3/2010 cho chị [Phạm Thị P](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh [Dương Đ](#) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị [Phạm Thị P](#) mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh [Dương Đ](#) được quyền thăm nom con chung nhưng không được gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị [Phạm Thị P](#).

Khi cần thiết, chị [Phạm Thị P](#) và anh [Dương Đ](#) được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Chị [Phạm Thị P](#) phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị [Phạm Thị P](#) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0008175 ngày 19 tháng 7 năm 2023 được khấu trừ vào án phí. Chị [Phạm Thị P](#) đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh [Dương Đ](#) phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng.

6. Về quyền kháng cáo: Chị [Phạm Thị P](#) và anh [Dương Đ](#) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh